# Chi tiết mã HS 5802.30

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 5802.30 |
| **Mô tả hàng hóa** | Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06; các loại vải dệt tạo búi, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 57.03 / - Các loại vải dệt tạo búi: |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 02/11/2026 00:56:02 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://vietnamtariff.com/hs-code/580230/ |

## 4 dòng thuế thuộc 5802.30

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 5802.30.10 | Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06; các loại vải dệt tạo búi, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 57.03 / - Các loại vải dệt tạo búi: / - - Đã ngâm tẩm, tráng hoặc phủ | kg/m/m2 | 18% | 12% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 5802.30.20 | Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06; các loại vải dệt tạo búi, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 57.03 / - Các loại vải dệt tạo búi: / - - Dệt thoi, từ bông hoặc sợi nhân tạo | kg/m/m2 | 18% | 12% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 5802.30.30 | Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06; các loại vải dệt tạo búi, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 57.03 / - Các loại vải dệt tạo búi: / - - Dệt thoi, từ vật liệu khác | kg/m/m2 | 18% | 12% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 5802.30.90 | Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06; các loại vải dệt tạo búi, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 57.03 / - Các loại vải dệt tạo búi: / - - Loại khác | kg/m/m2 | 18% | 12% | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.